

HỢP ĐỒNG TIỀN GỬI CHUNG CÓ KỲ HẠN JOINT TERM DEPOSIT AGREEMENT

Số/ No. : (ghi số tài khoản của HĐ TGCKH)
Ngày ký/ Signing date :

| | | |
|--|---|---|
| 1. BÊN A (Bên Nhận gửi) <i>PARTY A (Receiver)</i> | : | NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN THƯƠNG TÍN (SACOMBANK) CN/PGD - SAIGON THUONG TIN COMMERCIAL JOINT STOCK BANK (SACOMBANK) - BRANCH/TRANSACTION OFFICE |
| Địa chỉ/ Address | : | |
| Điện thoại/Fax/ Phone/Fax | : | |
| Đại diện bởi Ông/Bà - Chức vụ <i>Represented by Mr./Ms. - Position</i> | : | |
| Theo văn bản ủy quyền số (nếu có) <i>Pursuant to Power of Attorney No. (if any)</i> | : | |

| | | |
|---|---|---|
| 2. BÊN B (Bên Gửi – Đồng chủ sở hữu) <i>PARTY B (Depositor - Co-owner)</i> | : | |
| Chủ sở hữu 1/ The first owner | | Mã KH: <i>Customer code</i> |
| <i>{Nếu Bên Gửi là cá nhân thì điền các thông tin sau}</i> | | |
| Số CMND/CCCD/HC/Định danh cá nhân <i>ID/Passport/Personal identification No.</i> | : | Ngày cấp: <i>Date of issue</i> |
| Quốc tịch/ Nationality | : | |
| Thuộc đối tượng/ Being | : | Người cư trú/Người không cư trú <i>Resident/Non-Resident</i> |
| Đại diện bởi Ông/Bà <i>Represented by Mr./Ms.</i> | : | |
| Số CMND/CCCD/HC/Định danh cá nhân <i>ID/Passport/Personal identification No.</i> | : | Ngày cấp: <i>Date of issue</i> |
| Giấy tờ chứng minh tư cách đại diện hợp pháp/ <i>Documents evidencing the legal representation</i> | : | |
| <i>{Nếu Bên Gửi là tổ chức thì điền các thông tin sau}</i> | | |
| Tên giao dịch hoặc tên viết tắt <i>Transaction/Abbreviated name</i> | : | |
| Số Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận ĐKKD/Giấy chứng nhận ĐKDN/Giấy chứng nhận ĐKĐT/Mã số thuế <i>Establishment Decision/Business Registration Certificate/Enterprise Registration Certificate/Investment Registration Certificate No./Tax Code</i> | : | Ngày cấp: <i>Date of issue</i> |
| Thuộc đối tượng/ Being | : | Người cư trú/Người không cư trú <i>Resident/Non-Resident</i> |

| | | | |
|--|---|--|----------------------------|
| | | | |
| Địa chỉ/ Address | : | | |
| Điện thoại/Fax/ Phone/Fax | : | | |
| Đại diện bởi Ông/Bà - Chức vụ Represented by Mr./Ms. - Position | : | | |
| Số CMND/CCCD/HC/Định danh cá nhân ID/Passport/Personal identification No. | : | | Ngày cấp: Date of issue |
| Theo văn bản ủy quyền số (nếu có) Pursuant to Power of Attorney No. (if any) | : | | |
| Chủ sở hữu 2/The second owner | | | Mã KH: Customer code |
| <i>{Nếu Bên Gửi là cá nhân thì điền các thông tin sau}</i> | | | |
| Số CMND/CCCD/HC/Định danh cá nhân ID/Passport/Personal identification No. | : | | Ngày cấp: Date of issue |
| Quốc tịch/ Nationality | : | | |
| Thuộc đối tượng/ Being | : | Người cư trú/Người không cư trú Resident/Non-Resident | |
| Đại diện bởi Ông/Bà Represented by Mr./Ms. | : | | |
| Số CMND/CCCD/HC/Định danh cá nhân ID/Passport/Personal identification No. | : | | Ngày cấp: Date of issue |
| Giấy tờ chứng minh tư cách đại diện hợp pháp/ Documents evidencing the legal representation | : | | |
| <i>{Nếu Bên Gửi là tổ chức thì điền các thông tin sau}</i> | | | |
| Tên giao dịch hoặc tên viết tắt Transaction/Abbreviated name | : | | Mã KH: Customer code |
| Số Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận ĐKKD/Giấy chứng nhận ĐKDN/Giấy chứng nhận ĐKĐT/Mã số thuế Establishment Decision/Business Registration Certificate/Enterprise Registration Certificate/Investment Registration Certificate No./Tax Code | : | | Ngày cấp: Date of issue |
| Thuộc đối tượng/ Being | : | Người cư trú/Người không cư trú Resident/Non-Resident | |
| Địa chỉ/ Address | : | | |
| Điện thoại/Fax/ Phone/Fax | : | | |
| Đại diện bởi Ông/Bà - Chức vụ Represented by Mr./Ms. - Position | : | | |
| Số CMND/CCCD/HC/Định danh cá nhân ID/Passport/Personal identification No. | : | | Ngày cấp: Date of issue |
| Theo văn bản ủy quyền số (nếu có) Pursuant to Power of Attorney No. (if any) | : | | |

Bên B yêu cầu và Bên A đồng ý nhận tiền gửi có kỳ hạn của Bên B với những điều khoản và điều kiện sau:

Party B requests and Party A agrees to receive Party B's term deposit under the following terms and conditions:

- Số tiền gửi/ Deposit amount:**.....
(Bằng chữ/ In words:.....)
- Đồng tiền gửi/ Currency:**..... **Thời hạn gửi tiền/ Deposit term:**.....

3. **Ngày gửi tiền/ Deposit date:** **Ngày đến hạn/ Maturity date:**

4. **Lãi suất/ Interest rate:**%/năm, với cơ sở tính lãi là 365/365 (.....%/year and the basis of interest calculation is 365/365).

5. **Phương thức nộp tiền/ Deposit method:**

Vào ngày gửi tiền, Bên B phải gửi đầy đủ số tiền gửi nêu trên theo phương thức sau/ *On the deposit date, Party B must deposit the full deposit amount mentioned above by the following methods:*

Ủy quyền cho Bên A được trích tiền từ tài khoản thanh toán chung của Bên B mở tại Bên A/ *Authorizing Party A to deduct all deposit amount from Party B's joint current account opened at Party A.*

+ Tên tài khoản thanh toán chung/ *Joint current account name:*

+ Số tài khoản/ *Account No.:*.....

Chuyển tiền đến Bên A từ tài khoản thanh toán chung của Bên B mở tại ngân hàng khác với thông tin tài khoản và nội dung chuyển khoản như sau/ *Transferring all deposit amount to Party A from Party B's joint current account opened at another bank with the account information and transfer contents as follows:*

+ Tên tài khoản thanh toán chung/ *Joint current account name:*

+ Số tài khoản/ *Account No.:*

+ Tại ngân hàng/ *At Bank:*..... Tỉnh/TP/ *Province/City:*.....

+ Nội dung chuyển khoản/ *Transfer contents:*

- Người thụ hưởng/ *Beneficiary:* [Tên Khách hàng/ *Customer name*].

- Ngân hàng thụ hưởng/ *Beneficiary Bank:* Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – [Tên CN/PGD]/ *Saigon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank -*

- Nội dung diễn giải/ *Remark:* [Tên Khách hàng] chuyển tiền HD TGCKH số [số Hợp đồng] – [Tên CN/PGD]/ *“Customer name” transfer money for Term Deposit Agreement No.*
..... - *Branch/Transaction Office.*

6. **Phương thức trả lãi/ Interest payment method:** Lãi cuối kỳ/Lãi hàng tháng/Lãi hàng quý/Lãi trả trước/ *Interest payment at maturity/ Monthly interest payment/Quarterly interest payment/ Prepaid interest payment.*

{Đơn vị chọn và lược bỏ nội dung còn lại}

7. **Tài khoản nhận chi trả gốc và/hoặc lãi tiền gửi/ Account of receiving principal and interest:**

Nếu không có thỏa thuận khác bằng văn bản, việc chi trả gốc và/hoặc lãi sau khi trừ phí phát sinh (nếu có) thực hiện theo phương thức sau/ *Unless otherwise agreed in writing, the payment of principal and/or interest after deducting arising fees (if any) shall be performed by the following methods:*

Bên A chuyển khoản toàn bộ gốc và/hoặc lãi theo Hợp đồng này vào tài khoản thanh toán chung của Bên B mở tại Bên A với thông tin sau/ *Party A transfers all principal and/or interest under this Agreement to Party B's joint current account opened at Party A as follows:*

+ Tên tài khoản thanh toán chung/ *Joint current account name:*

+ Số tài khoản/ *Account No.:*

Bên A chuyển khoản toàn bộ gốc và/hoặc lãi theo Hợp đồng này vào tài khoản thanh toán chung của Bên B mở tại ngân hàng khác với thông tin như sau/ *Party A transfers all principal and/or interest under this Agreement to Party B's joint current account opened at another bank as follows:*

+ Tên tài khoản thanh toán chung/ *Joint current account name:*

+ Số tài khoản/ *Account No.:*

+ Tại ngân hàng/ *At Bank:*..... Tỉnh/TP/ *Province/City:*.....

8. **Rút trước hạn/ Premature withdrawal:** Bên B được quyền rút trước hạn toàn bộ số tiền gửi trong thời hạn gửi tiền. Việc rút trước hạn một phần số tiền gửi thực hiện theo quy định của từng sản phẩm/loại hình tiền gửi của Sacombank được công khai trong từng thời kỳ./ *Party B is entitled to prematurely withdraw the entire deposit during the deposit term. Premature withdrawal of part of the*

deposit shall be in accordance with Sacombank's regulations of each product/type of deposit from time to time.

9. Kéo dài thời hạn gửi tiền (Tái tục hợp đồng)/ Deposit term extension (Renewal of Agreement):

Không tái tục/Tái tục/ Non-Renewal/Renewal.

{Đơn vị chọn và lược bỏ nội dung còn lại}

10. Phương thức tái tục/ Renewal method: Tái tục vốn/Tái tục vốn và lãi/ Automatic renewal of principal/Automatic renewal of principal and interest.

{Đơn vị chọn và lược bỏ nội dung còn lại}

11. Nguyên tắc sử dụng tiền gửi chung có kỳ hạn/ The rule of using joint term deposit:

- {Đơn vị chọn và lược bỏ nội dung còn lại theo thỏa thuận KH}

Mọi giao dịch liên quan tới tiền gửi chung có kỳ hạn đều phải được ký tên, đóng dấu (nếu có) và thực hiện bởi Tất cả các đồng chủ sở hữu/ All transactions related to the joint term deposit must be signed, stamped (if any) and performed by all of the owners.

Mọi giao dịch liên quan tới tiền gửi chung có kỳ hạn được ký tên, đóng dấu (nếu có) và thực hiện bởi một trong các đồng chủ sở hữu sau:{Nhập thông tin Chủ sở hữu theo nhu cầu KH}/ All transactions related to the joint term deposit are signed, stamped (if any) and performed by one of the account holders as follows: The first (or second,...) owner.

- Các đồng chủ sở hữu tiền gửi chung có kỳ hạn có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với Hợp đồng này. Mỗi đồng chủ sở hữu phải chịu trách nhiệm liên đới thanh toán cho toàn bộ các nghĩa vụ phát sinh từ việc sử dụng tiền gửi chung có kỳ hạn. Bên A được quyền yêu cầu một trong các đồng chủ sở hữu và/hoặc tất cả các đồng chủ sở hữu thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ việc sử dụng tiền gửi chung có kỳ hạn theo đúng quy định của Bên A/ The owners of the joint term deposit shall have equal rights and obligations to this Agreement. Each owner must be jointly responsible for paying all obligations arising from the use of the joint term deposit. Party A is entitled to request one of the owners and/or all owners to perform all obligations arising from the use of the joint term deposit in compliance with Party A's regulations.

- Trong các giao dịch không bắt buộc ký tên và thực hiện bởi tất cả đồng chủ sở hữu, người thực hiện giao dịch có trách nhiệm thông báo với (các) đồng chủ sở hữu còn lại, Bên A không có trách nhiệm thông báo cho từng chủ sở hữu trong trường hợp này/ For the transactions which are not obliged to be signed and performed by all joint term deposit owners, the owner performing such transaction is responsible for notifying the remaining owner(s) and Party A is not obliged to notify them in this case.

- Từng đồng chủ sở hữu tiền gửi chung có kỳ hạn có thể ủy quyền cho người khác thay mặt mình sử dụng tiền gửi chung có kỳ hạn nhưng phải được sự đồng ý bằng văn bản của tất cả các đồng chủ sở hữu tiền gửi chung có kỳ hạn còn lại/ Each joint term deposit owner may authorize another person to use the joint term deposit on his/her behalf but such authorization must be agreed in writing by all of remaining joint term deposit owners.

- Khi một trong các chủ sở hữu tiền gửi chung có kỳ hạn là cá nhân bị chết, bị tuyên bố là đã chết, bị tuyên bố mất tích, mất năng lực hành vi dân sự, hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi, chủ sở hữu tiền gửi chung có kỳ hạn là tổ chức bị giải thể, phá sản hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật thì quyền sử dụng và nghĩa vụ phát sinh từ việc sử dụng tiền gửi chung có kỳ hạn được giải quyết theo quy định của pháp luật/ In case of death, death announcement, missing announcement, lack of legal capacity, limited legal capacity, or having difficulties in perceiving and mastering behavior of one of the joint term deposit owners being individual; in case of dissolution, bankruptcy or termination of operation (under the law) of the joint term deposit owner being organization, the usage rights and obligations arising from using joint term deposit shall be determined by provisions of laws.

- Bên A được quyền tạm ngừng các giao dịch liên quan đến số tiền gửi khi nhận được thông báo bằng văn bản của một trong các chủ sở hữu tiền gửi chung có kỳ hạn. Việc tạm ngừng này chỉ chấm dứt khi Bên A nhận được quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc thông báo bằng văn bản của tất cả các đồng chủ sở hữu về việc tranh chấp đã được giải quyết/ Party A is entitled to suspend the transactions related to the deposit amount upon the receipt of the written notification of one of the joint term deposit owners. Such suspension shall

only be terminated when Party A receives the competent authorities's decision or all joint term deposit owners' written notification stating that the disputes have been resolved.

12. Điều khoản thi hành/ Terms of enforcement:

Bằng việc ký vào Hợp đồng này, Bên B xác nhận và cam kết/ By signing this Agreement, Party B confirms and commits that:

- Bên B đã được cung cấp đầy đủ, đã đọc, hiểu rõ và chấp nhận tuân thủ Phụ lục Điều khoản, điều kiện tiền gửi có kỳ hạn, các thông tin, quy định của Bên A về sản phẩm, dịch vụ/ Party B has been fully provided, has read, understood and accepted to comply with the Appendix on Terms and Conditions on the term deposit, information and regulations of Party A on products and services.
 - Bên B đã đọc, hiểu rõ và đồng ý toàn bộ (không kèm theo điều kiện) rằng Sacombank được thu thập, xử lý Dữ Liệu Cá Nhân (bao gồm các Dữ Liệu Cá Nhân được cập nhật trong tương lai) theo Điều Khoản Chung Về Bảo Vệ Và Xử Lý Dữ Liệu Cá Nhân được niêm yết tại quầy giao dịch, website www.sacombank.com.vn hoặc quét QR code. Khi cung cấp Dữ Liệu Cá Nhân của người khác cho Sacombank, Bên B cam kết đã thu nhận sự đồng ý (toàn bộ không kèm theo điều kiện) của Chủ Thể Dữ Liệu về việc cho phép Bên B cung cấp Dữ Liệu Cá Nhân cho Sacombank và cho phép Sacombank thu thập, xử lý các Dữ Liệu Cá Nhân do Bên B cung cấp theo Điều Khoản Chung này. Trường hợp muốn hạn chế xử lý dữ liệu tại Điều Khoản Chung này, Bên B chủ động liên hệ Sacombank để được hướng dẫn./ Party B has read, understood and completely agreed (without conditions) that Sacombank is entitled to collect and process Personal Data (including Personal Data to be updated in the future) in accordance with the General Terms on Protection and Processing of Personal Data listed at the transaction counter, website www.sacombank.com.vn or displayed when scanning QR code. When providing the Personal Data of others to Sacombank, Party B ensures the consent (completely and without conditions) of the Data Subjects in providing Personal Data to Sacombank and allowing Sacombank to collect and process the Personal Data provided by Party B in accordance with these General Terms. In case of limiting data processing in these General Terms, Party B shall contact Sacombank for instructions.
- 
- Hợp đồng này cùng với Điều Khoản Chung Về Bảo Vệ Và Xử Lý Dữ Liệu Cá Nhân, Phụ lục Điều khoản, điều kiện tiền gửi có kỳ hạn là một phần không tách rời của Hợp đồng này, tạo nên toàn bộ thỏa thuận giữa Bên A và Bên B về tiền gửi có kỳ hạn. Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa nội dung Hợp đồng này và Phụ lục Điều khoản, điều kiện tiền gửi có kỳ hạn, nội dung Hợp đồng này được ưu tiên áp dụng/ This Agreement, together with the General Terms on Protection and Processing of Personal Data, the Appendix on Terms and conditions on the term deposit, which are an integral part of this Agreement, shall constitute the entire agreement between Party A and Party B on the term deposit. In case of any inconsistency between this Agreement and the Appendix on Terms and Conditions on the term deposit, this Agreement shall prevail.
 - Bên A có quyền sửa đổi, bổ sung Điều Khoản Chung Về Bảo Vệ Và Xử Lý Dữ Liệu Cá Nhân, Phụ lục Điều khoản, điều kiện tiền gửi có kỳ hạn, các thông tin, quy định về sản phẩm, dịch vụ tại từng thời điểm để đáp ứng yêu cầu của quy định pháp luật cũng như đảm bảo quyền lợi của Bên B và Bên A. Trước khi bản thay đổi có hiệu lực, Bên A phải thông báo cho Bên B trước chậm nhất 01 (một) ngày bằng một trong các hình thức: gửi thư (hoặc thư điện tử) trực tiếp đến địa chỉ của Bên B cung cấp hoặc công bố trên website của Bên A hoặc thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc niêm yết tại các điểm giao dịch của Bên A. Bên B có trách nhiệm chủ động truy cập website <https://www.sacombank.com.vn> hoặc đến địa điểm giao dịch của Bên A để liên tục cập nhật các sửa đổi, bổ sung liên quan đến Phụ lục này. Các sửa đổi, bổ sung sẽ chỉ có giá trị hiệu lực nếu Bên B tiếp tục sử dụng dịch vụ sau khi sửa đổi, bổ sung có hiệu lực. Bên B có quyền chấm dứt Hợp đồng này bằng cách gửi Thông báo bằng văn bản cho Bên A trước 03 (ba) ngày nếu không đồng ý với các sửa đổi, bổ sung này/ Party A shall be entitled to amend, supplement the General Terms on Protection and Processing of Personal Data, the Appendix on Terms and Conditions on the term deposit, information, and

regulations on products and services from time to time to satisfy the requirements of laws as well as to ensure the rights of Party B and Party A. Party A shall notify Party B at least 01 (one) day before the effective date of such amendments and supplements by one of the following methods: sending mail/email directly to the address provided by Party B or publishing on Party A's website or announcing on the mass media or posting at Party A's transaction offices. Party B shall be responsible for actively accessing Party A's website <https://www.sacombank.com.vn> or coming to Party A's transaction offices to continuously stay updated on such amendments and supplements. The amendments and supplements will only be valid if Party B continues to use the service after the amendments and supplements take effect. Party B shall be entitled to terminate this Agreement by sending Party A a written notice prior to 03 (three) days if Party B disagrees with such amendments and supplements.

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực khi các bên hoàn tất quyền và nghĩa vụ được thỏa thuận tại Hợp đồng này/ *This Agreement shall be effective from the signing date and terminated when the Parties complete all rights and obligations agreed in this Agreement.*
- Hợp đồng này được lập thành ... (...) bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ ... (...) bản. Trường hợp có sự khác biệt giữa nội dung tiếng Việt và tiếng Anh, nội dung tiếng Việt có giá trị ưu tiên áp dụng/ *This Agreement is made in ... (...) copies with the same validity, each Party keeps ... (...) copy. In case of any inconsistency between Vietnamese and English contents, the Vietnamese contents shall prevail.*

ĐẠI DIỆN BÊN B
FOR AND ON BEHALF OF PARTY B
Chủ sở hữu 1
The first owner

ĐẠI DIỆN BÊN A
FOR AND ON BEHALF OF PARTY A

Chủ sở hữu 2
The second owner